

Bản án số: 62/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2017
V/v: “ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kim Trường Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Ngọc Diệp.

2. Bà Lý Thị Kim Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017 về việc: “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2017/QĐXX-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị Bích V, sinh năm 1983. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Hữu Q, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố S, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/7/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Thị Bích V trình bày:

Về hôn nhân: Bà Hoàng Thị Bích V và ông Huỳnh Hữu Q tự nguyện kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 19/8/2004. Bà V và ông Q chung sống hạnh P thời gian đầu đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau do về kinh tế, lối sống, quan hệ tình cảm; do đó, bà V và ông Q không còn chung sống từ đầu năm 2015 cho đến nay. Nay bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn với ông Q nên bà V làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà V được ly hôn với ông Q.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Hữu Q trình bày:

Ông Huỳnh Hữu Q thống nhất với lời trình bày của bà Hoàng Thị Bích V về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn. Ông Q không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, con.

Về con chung: Bà Hoàng Thị Bích V và ông Huỳnh Hữu Q khai có hai con chung tên là Huỳnh Thị Thùy D, sinh ngày 04/12/2004 và Huỳnh Hoàng P, sinh ngày 27/7/2007; bà V yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Huỳnh Thị Thùy D, Huỳnh Hoàng P và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con; ông Q đồng ý để bà V là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Huỳnh Thị Thùy D, Huỳnh Hoàng P nhưng ông Q không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hoàng Thị Bích V và ông Huỳnh Hữu Q đều khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị Bích V về việc ly hôn với ông Huỳnh Hữu Q.

- Bà Hoàng Thị Bích V là người trực tiếp nuôi con chung tên là Huỳnh Thị Thùy D, sinh ngày 04/12/2004 và Huỳnh Hoàng P, sinh ngày 27/7/2007. Ghi nhận bà Hoàng Thị Bích V không yêu cầu ông Huỳnh Hữu Q cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

- Bà Hoàng Thị Bích V khởi kiện ông Huỳnh Hữu Q. Hiện nay, ông Huỳnh Hữu Q, sinh năm 1982; cư trú tại: Khu phố S, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ông Huỳnh Hữu Q là bị đơn được Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Huỳnh Hữu Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 19/8/2004, Ủy ban nhân dân phường P, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho bà Hoàng Thị Bích V và ông Huỳnh Hữu Q nên quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Thị Bích V và ông Huỳnh Hữu Q là hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung

sống hạnh P thời gian đầu đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau; ông Q không quan tâm, chăm sóc vợ con, bà V cố gắng hàn gắn nhưng ông Q không thay đổi. Bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn với ông Q nên không còn khả năng đoàn tụ. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà V và ông Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu ly hôn của bà V có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về việc nuôi con: Bà Hoàng Thị Bích V và ông Huỳnh Hữu Q đều khai có hai con chung tên là Huỳnh Thị Thùy D, sinh ngày 04/12/2004 và Huỳnh Hoàng P, sinh ngày 27/7/2007 và hiện nay cháu D và P đang sống với bà V. Tại phiên tòa, bà V yêu cầu được tiếp tục là người nuôi dưỡng cháu D và P. Xét yêu cầu được nuôi con của bà V là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu D và P là được sống với mẹ. Căn cứ vào Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận để bà V là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Hoàng Thị Bích V không yêu cầu ông Huỳnh Hữu Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét đóng góp chi phí nuôi con đối với ông Q.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hoàng Thị Bích V và ông Huỳnh Hữu Q đều khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Hoàng Thị Bích V phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

[7] Tại phiên tòa, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Bích V đối với ông Huỳnh Hữu Q. Bà Hoàng Thị Bích V được ly hôn với ông Huỳnh Hữu Q.

2. Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cho bà Hoàng Thị Bích V là người trực tiếp nuôi con chung tên là Huỳnh Thị Thùy D, sinh ngày 04/12/2004 và Huỳnh Hoàng P, sinh ngày 27/7/2007. Ghi nhận bà Hoàng Thị Bích V không yêu cầu ông Huỳnh Hữu Q cấp dưỡng nuôi con. Ông Huỳnh Hữu Q là người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục

con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hoàng Thị Bích V và ông Huỳnh Hữu Q khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Bà Hoàng Thị Bích V phải nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0011314 ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHS);
- VKSND TP. B, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. B, T. Bến Tre;
- UBND phường P, TP. B, T. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Kim Trường Sơn